TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hưởng;

Ông Phạm Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp E L, xã T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp E L, xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Võ Thị T trình bày:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý, nên vào năm 2010 bà Võ Thị T và ông Huỳnh Văn M đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Long An. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vả lẫn nhau. Hiện nay, mâu thuẫn giữa bà T và ông M ngày càng trầm trọng hơn. Mặc dù, bà T và ông M vẫn sống chung nhà, nhưng không còn quan tâm nhau. Bà T tự nuôi dưỡng 03 con chung. Ông M quan tâm gì đến cuộc sống của bà T và cũng không cấp dưỡng nuôi con chung. Do tình trạng hôn nhân

ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: bà T yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: bà T và ông M có 03 con chung tên Huỳnh Minh T1, sinh ngày 10/12/2009; Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 10/9/2011; Huỳnh Ngọc Thảo T2, sinh ngày 06/10/2018, hiện các con chung đang sống chung với vợ chồng bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được tống đạt các văn bản tố tụng khác hợp lệ, cũng như triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do. Ông M cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn M, hiện ông M đang cư trú tại Ấp E L, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn", thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

[2] Bà V Thị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Huỳnh Văn M được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T thấy rằng: Bà Võ Thị T và ông Huỳnh Văn Minh xác L quan hệ vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Long An vào ngày 05/6/2010 theo đúng quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T trình bày thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả nhau. Hiện tại, bà T không còn tình cảm với ông M và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Đối với ông M thì đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai. Tuy nhiên, ông M không đến và cũng không có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc bà T có yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét

thấy, bà T và ông M mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cãi vả nhau. Ông bà không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau, bà T xác định không còn tình cảm gì với ông M. Từ khi bà T yêu cầu ly hôn đến nay, ông M tuy sống chung nhà, nhưng cũng không có bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: ông M và bà T có 03 con chung tên là Huỳnh Minh T1, sinh ngày 10/12/2009; Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 10/9/2011; Huỳnh Ngọc Thảo T2, sinh ngày 06/10/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy 03 con chung hiện đang sống với bà T và ông M. Bà T trình bày thực tế bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung từ khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Quá trình bà T nuôi dưỡng 03 con chung đều đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con chung. Đồng thời, nguyện vọng của 03 con chung là được sống với bà T khi cha mẹ ly hôn. Ông M không có yêu cầu và không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là Huỳnh Minh T1, sinh ngày 10/12/2009; Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 10/9/2011; Huỳnh Ngọc Thảo T2, sinh ngày 06/10/2018.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông M không có yêu cầu và không có ý kiến trình bày về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không có văn bản trình bày vấn đề này, bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự tranh chấp, thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T đối với ông Huỳnh Văn M.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

2. Về con chung: Bà Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên là Huỳnh Minh T1, sinh ngày 10/12/2009; Huỳnh Thị Thảo V, sinh ngày 10/9/2011; Huỳnh Ngọc Thảo T2, sinh ngày 06/10/2018 (hiện con chung đang sống với bà T và ông M). Ông Huỳnh Văn M không phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Bên không nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Ư Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000066, ngày 07/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà Ư Thị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**
Phạm Văn Tám Nguyễn Thị Hưởng	**Đoàn Thanh Lâm**